

Name: .....

Grammar: .....

Class: S2...

Reading: .....

Tel: 034 200 9294

Mini Test: .....

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....



Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

## GLOBAL ENGLISH 2

### Unit 1 - Grammar revision & Movers reading

#### A. Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	try → tries (v)	thử	3	chase (v)	đuối theo
2	tail (n)	đuôi	4	stranger (n)	người lạ

\*Note: v = verb: động từ; n = noun: danh từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐÓNG vào vở ghi

#### B. Homework

##### I. Complete each sentence with present simple form of verb in the bracket

(Hoàn thành mỗi câu sử dụng thì hiện tại đơn của động từ trong ngoặc)

0. She  visits (visit) her grandparents every weekend.

1. They  \_\_\_\_\_ (play) soccer after school.

2. My brother  \_\_\_\_\_ (like) to read comic books.

3. I  \_\_\_\_\_ (walk) to school every day.

4. We  \_\_\_\_\_ (study) English on Mondays.

5. Mike  \_\_\_\_\_ (swim) in the pool.

##### II. Read the conversation and fill in the blanks with the given words

(Đọc đoạn hội thoại và điền từ cho sẵn vào chỗ trống)

your	his	my	our	mine	yours
------	-----	----	-----	------	-------

Ben: This teddy bear is (0) mine. Where is (1) \_\_\_\_\_ teddy?

Lily: I don't have a teddy. I have a doll. This is (2) \_\_\_\_\_ doll.

Sam: Look, Ben. This car is (3) \_\_\_\_\_. Here you go!

Ben: Thank you! Do you have any car?

Sam: No, I don't. But my brother has a car. (4) \_\_\_\_\_ car is red.

Lily and Ben: We love your toys. And we love (5) \_\_\_\_\_ toys too.

### III. Fill in the blanks with the correct possessive adjective

(Điền vào chỗ trống sử dụng đúng tính từ sở hữu)



0. This is  my (I) book.



1. Sarah loves  (she) new shoes.



2. We have  (we) own car.



3. The cat is sleeping in  (it) bed.



4. They forgot  (they) homework at home.



5. This is  (he) new shirt.

### IV. Rewrite each sentence using a possessive 's (Viết lại mỗi câu sử dụng câu trúc sở hữu cách 's)

0. This is the book of Tom. → This is Tom's book.

1. These are the shoes of my sister. → These are \_\_\_\_\_.

2. These are the toys of the children. → These are \_\_\_\_\_.

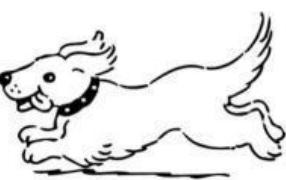
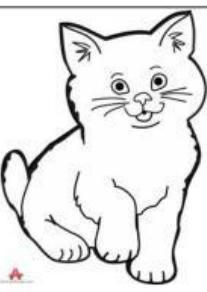
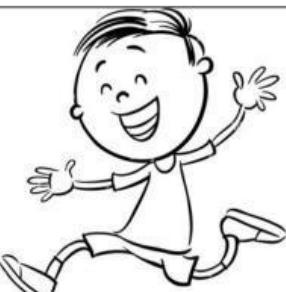
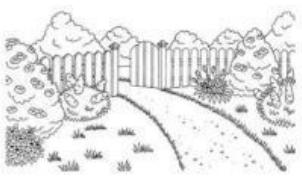
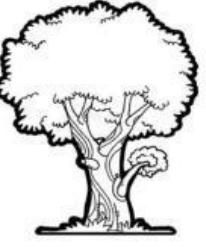
3. This is the name of our teacher. → This is \_\_\_\_\_.

4. This is the coat of the dog. → This is \_\_\_\_\_.

5. These are flowers of the boy. → These are \_\_\_\_\_.

# READING

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1–5. There is one example.

			
run(s)	cat	happy	tail
			
garden	friend	tree	bark(s)



Tom's family has a pet dog. His name is Max. Max loves to play in the (0) *garden*.

Every morning, Tom gives Max a ball to play with. Max is always very

(1) \_\_\_\_\_ to see Tom. Tom takes Max to the park every Sunday.

Max (2) \_\_\_\_\_ around, chases

birds and looks at other dogs. Max always runs to a (3) \_\_\_\_\_ and tries to climb it! When Max sees strangers, he (4) \_\_\_\_\_. But when he sees Tom's friends, he waves his (5) \_\_\_\_\_.